TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 26/01/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và bà Trần Thị Ngọ
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 90/2020/QĐDS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-DS ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị M, sinh năm: 1964 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã L, tỉnh B.
- *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị Minh H1, sinh năm: 1978 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện H2, tỉnh B.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Nguyễn Sơn H3, sinh năm: 1966 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện H2, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Ngô Thị M trình bày:* Bà Đỗ Thị Minh H1 nhiều lần vay tiền của bà để làm ăn, mỗi lần vay khoảng 30.000.000đ đến 50.000.000đ, mỗi lần vay đều có viết giấy vay tiền, bà H1 đã nhiều lần trả nợ cho bà, mỗi lần trả khoảng 2.000.000đ đến 5.000.000đ tiền gốc, không trả lãi. Đến ngày 25/12/2012 thì các bên đã thống nhất lại số nợ mà bà H1 còn nợ của bà là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Bà H1 đã ký nhận nợ nên bà đã xé bỏ hết các giấy nợ trước đó, hiện nay không còn giấy nợ để cung cấp cho Tòa án. Khi các bên thống nhất lại số tiền nợ là 300.000.000đ thì các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày 25/12/2012, từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi nợ, nhưng bà H1 vẫn chưa trả nợ cho bà nên nay bà khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Minh H1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu bà H1 phải trả lãi.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Minh H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngoài Tòa án, bà H1 trình bày: Bà có nhiều lần vay tiền của bà M, việc vay mượn này là bà vay giùm cho người khác. Mỗi lần vay nợ đều có viết giấy nợ, tổng số tiền bà vay của bà M là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Bà đã nhiều lần trả nợ cho bà M, mỗi lần khoảng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ, vì thời gian đã quá lâu nên bà cũng không nhớ được mình đã trả cho bà M bao nhiêu tiền gốc và bao nhiêu lãi. Đến ngày 25/12/2012 thì bà M dẫn theo nhiều người đến nhà ép bà ký giấy nợ số tiền 300.000.000đ, vì sợ hãi nên bà phải ký vào giấy nợ này. Sau khi ký giấy nợ 300.000.000đ thì bà có nhiều lần trả nợ cho bà M, có khi trả 500.000đ, có khi trả được 1.000.000đ, khi trả được 3.000.000đ. Nay bà M yêu cầu bà phải trả số tiền 300.000.000đ, bà không đồng ý vì bà chỉ vay của bà M tổng số tiền 65.000.000đ. Vì bà không nhớ được mình đã trả cho bà M bao nhiêu nên bà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 65.000.000đ và phụ thêm phần nào tiền lãi. Trách nhiệm trả nợ cho bà M sẽ do bà thực hiện vì ông H3 không liên quan đến khoản nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Sơn H3 từ chối nhận văn bản tố tụng, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngoài Tòa án, ông H3 trình bày: Ông và bà H1 sống chung nhưng không đăng ký kết hôn với nhau, việc bà H1 vay mượn của bà M ông không hề biết, bà H1 cũng không dùng số tiền vay để chi tiêu trong gia đình. Do đó, ông không có trách nhiệm phải trả nợ cho bà M, ông cũng từ chối tham gia tố tụng và từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đỗ Thị Minh H1 phải trả cho bà M số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Ngô Thị M khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Minh H1 phải có trách nhiệm trả số tiền là 300.000.000đ theo hợp đồng mượn tiền làm ăn ngày

25/12/2012 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị Minh H1 có nơi cư trú tại thôn P, xã T1, huyện H2, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Đỗ Thị Minh H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

"Hợp đồng mượn tiền làm ăn" do các bên ký kết ngày 25/12/2012 không ghi thời hạn thanh toán, mặc dù nguyên đơn trình bày thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày 25/12/2012, tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận, vì vậy, đây là hợp đồng vay tiền không có kỳ hạn. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ, vào tháng 06/2020 nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn không thực hiện nên tháng 10/2020 nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện việc báo trước cho bị đơn một khoảng thời gian hợp lý trước khi khởi kiện tại Tòa án theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Đối với "Hợp đồng mượn tiền làm ăn" ngày 25/12/2012 mà phía nguyên đơn cung cấp, bị đơn xác nhận chữ ký trên giấy vay tiền là của bị đơn, nhưng bị đơn cho rằng mình bị ép buộc nên mới ký giấy vay số tiền 300.000.000đ, thực chất bị đơn chỉ vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 65.000.000đ. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định việc bà Đỗ Thị Minh H1 vay của bà Ngô Thị M số tiền 300.000.000đ là có thật.

Bị đơn trình bày sau khi các bên ký giấy vay tiền 300.000.000đ thì bị đơn nhiều lần trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn trình bày kể từ khi các bên thống nhất lại số nợ bà Hằng còn thiếu là 300.000.000đ cho đến nay thì bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn trình bày sau khi ký giấy vay tiền 300.000.000đ đã nhiều lần trả nợ cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận, và bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó Hội đồng xét xử xác định kể từ khi các bên thống nhất lại số nợ 300.000.000đ bị đơn chưa lần nào trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn trình bày trước khi bà ký giấy nợ số tiền 300.000.000đ, bị đơn có nhiều lần trả gốc và lãi cho nguyên đơn, nhưng bản thân bà không nhớ được mình trả bao nhiêu gốc và bao nhiêu lãi, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn có trả nợ gốc, không thừa nhận có trả lãi, bản thân bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh việc mình có trả lãi với mức lãi suất bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn là bà Đỗ Thị Minh H1 phải có trách nhiệm trả nợ, bị đơn thừa nhận đây là khoản nợ riêng của mình, không liên quan

đến ông H3. Bản thân ông H3 cũng trình bày không biết gì về khoản nợ và không đồng ý cùng với bà H1 trả nợ cho bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về người có trách nhiệm trả nợ, xác định trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn sẽ do bà H1 thực hiện, ông H3 không có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định bà Đỗ Thị Minh H1 có vay của bà Ngô Thị M số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), do đó cần buộc bà Đỗ Thị Minh H1 phải trả cho bà Ngô Thị M số tiền 300.000.000đ

Lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Ngô Thị M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 469, 688 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Ngô Thị M. Buộc bà Đỗ Thị Minh H1 phải trả cho bà Ngô Thị M số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

- Bà Ngô Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà M số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001893 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Bà Đỗ Thị Minh H1 phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang